TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 131/2022/DS-PT
Ngày: 16-12-2022
V/v "Tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Hiệp
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư
Bà Lê Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Trần Thị Bảo Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Tân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 113/2022/TLPT-DS ngày 20/10/2022, về việc *"*Tranh chấp thừa kế tài sản*"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2022/QĐXXPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Đình V, sinh năm: 1973; cư trú tại: ấp 6A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

**Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Hiếu H, sinh năm: 1973; cư trú tại: ấp 1B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Phạm Thị Mỹ H, sinh năm: 1988; địa chỉ: ấp 11A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước; đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trường S, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Th, chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và môi trường huyện L, tỉnh Bình Phước.

2. Bà Vũ Thị Minh Ng, sinh năm: 1964

3. Ông Trịnh Khắc H, sinh năm: 1989

Cùng trú tại: ấp 6A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1959

5. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1962

Cùng trú tại: khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

**Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Hiếu H.

**Người kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Ông Nguyễn Đình V và bà Nguyễn Thị Hiếu H là vợ chồng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 31/2005/QĐ.HNGĐ-ST ngày 06/6/2005 của Tòa án nhân dân huyện L. Khi ly hôn, về tài sản chung, ông V và bà thỏa thuận không nhận, nhưng đồng ý để lại (tặng cho) cho hai con chung như sau:

- Con Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1997, được tặng cho các tài sản gồm: 110.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị L đang quản lý và bà L trả lãi mỗi tháng 1% đến khi nào không có nhu cầu sẽ gửi vào ngân hàng cho cháu A; quyền sử dụng 180m^2 đất mang tên Nguyễn Thị Hiếu H, địa chỉ : ấp 1B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; 01 xe Atila mới mua đang làm thủ tục đăng ký; 01 tủ thờ; 01 máy nước nóng lạnh cùng với số tiền bán vườn tiêu ở xã L do bà Nguyễn Thị L mua 50.000.000 đồng.

- Con Nguyễn Quốc V, sinh năm 2001, được tặng cho các tài sản gồm: quyền sử dụng 80m^2 đất, địa chỉ: ấp 1B, L, L, Bình Phước mang tên ông Nguyễn Đình V, trên đất có một căn nhà xây diện tích 130m^2, 03 con bò, 01dàn máy karaoke vi tính, 01 tủ lạnh 180 lít, 01 máy giặt, 01 máy nước nóng, 01 bộ salon gỗ, 01 bộ ván 4 tấm, 01 xe mô tô future biển số 728 và các vật dụng khác có trong nhà.

- Do cháu A và cháu V còn nhỏ nên chỉ định người quản lý tài sản cho các cháu là bà Nguyễn Thị L (dì ruột) quản lý tài sản cho cháu V, bà Nguyễn Thị Hiếu H quản lý các tài sản cho cháu A. Đến khi các cháu đủ 18 tuổi những người được giao quản lý tài sản nêu trên sẽ giao lại tài sản cho các cháu.

Đến nay con gái tên Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1997 đã chết (có trích lục khai tử số 1297/2021/TLKT-BS ngày 27/10/2021 của Ủy ban nhân dân xã Lộc Tấn). Khi chết cháu A không để lại di chúc, toàn bộ tài sản của cháu A được sở hữu từ cha mẹ tặng cho theo Quyết định số 31/2005/QĐ.HNGĐ-ST ngày 06/6/2005 của Tòa án nhân dân huyện L hiện nay bà Nguyễn Thị Hiếu H đang quản lý bao gồm: số tiền 110.000.000 đồng (do bà Nguyễn Thị L vay) bà L đã giao trả cho bà H; số tiền 50.000.000 đồng bán vườn tiêu ở xã L, bà Nguyễn Thị L đã giao trả cho bà H; diện tích 180m^2 đất mang tên bà Nguyễn Thị Hiếu H, địa chỉ tại ấp 1B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, tạm tính khoảng 1.000.000.000 đồng; 01 xe mô tô Atila giá trị khoảng 20.000.000 đồng. Tổng cộng: 1.180.000.000 (một tỉ, một trăm tám mươi triệu) đồng.

Ông Nguyễn Đình V khởi kiện yêu cầu: phân chia thừa kế di sản của cháu Nguyễn Ngọc A, cụ thể, buộc bà Nguyễn Thị Hiếu H phải trả (chia) cho ông V một nửa di sản của cháu A gồm: giá trị thửa đất số 1/111, tờ bản đồ số 00, diện tích 180m^2, tại ấp 1B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00035 UBND huyện L, tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/3/2005 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Hiếu H; trị giá chiếc xe mô tô Atila; và số tiền 160.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông V rút đối với yêu cầu chia trị giá chiếc xe mô tô Atila và số tiền 160.000.000 đồng.

Căn cứ bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất trình bày:

Thửa đất ông V yêu cầu chia thừa kế có nguồn gốc là tài sản chung của bà Nguyễn Thị Hiếu H và ông V. Bà và ông V ly hôn ngày 06/6/2005. Khi ly hôn, ông bà thống nhất tặng cho thửa đất này cho con gái là cháu Nguyễn Ngọc A. Do cháu A còn nhỏ tuổi nên bà và ông V thống nhất giao thửa đất cho bà H quản lý. Trên thửa đất không có tài sản gì. Sau ly hôn, mẹ con bà không có nơi ở nên bà đã yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả cho bà số tiền 110.000.000 đồng đã mượn và yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả số tiền 50.000.000 đồng mua vườn tiêu, bà H vay thêm 40.000.000 đồng, rồi dùng số tiền có được xây 01 căn nhà cấp 4 có diện tích khoảng 75m^2 trên thửa đất này để mẹ con sinh sống.

Đến khoảng đầu năm 2008, Bệnh viện Nhiệt đới Tp. Hồ Chí Minh chẩn đoán cháu A bị bệnh viêm cầu thận mãn tính giai đoạn cuối. Do bệnh tình của cháu A ngày càng trở nặng, chi phí trị liệu, thuốc men, đi lại rất tốn kém trong khi bà H không có công việc ổn định, còn ông V cũng không qua lại chăm sóc, hỏi han hay hỗ trợ chi phí để cùng lo chữa trị. Vì vậy, bà H đã hỏi ý kiến của cháu A về việc bán thửa đất của Ánh để có chi phí chữa trị, được cháu A đồng ý, việc này đã có xác nhận ở địa phương.

Trước thời điểm bà chuyển nhượng thửa đất này thì ông V cũng đã biết rất rõ về bệnh tình của cháu A nên vào ngày 16/4/2008, bà và gia đình ông V đã có cuộc họp gia đình, lập văn bản thỏa thuận có nội dung ông V giao cho bà toàn quyền chuyển nhượng thửa đất đã cho cháu A. Khi đó thửa đất vẫn mang tên hộ bà Nguyễn Thị Hiếu H. Hơn nữa, theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 31/2005/QĐ.HNGĐ-ST ngày 06/6/2005 của Tòa án nhân dân huyện L có ghi chú hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều giao cho bà Nguyễn Thị L giữ nên nếu không có được sự đồng ý của ba bên (gồm bà H, ông V và bà La) thì bà không thể chuyển nhượng thửa đất của cháu A được. Vì vậy, bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông V.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Khắc H trình bày:*

Ông là con của ông Trịnh Khắc Th, bà Vũ Thị Minh Ng. Ba ông mất cách đây khoảng 12 tháng. Việc ba mẹ ông nhận chuyển nhượng đất với bà H như thế nào ông không biết. Nếu có thì đó là tài sản của ba mẹ ông, không liên quan gì đến ông nên ông không có yêu cầu gì. Ông H xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Minh Ng trình bày:*

Bà là vợ Ông Th. Ông Th hiện đã chết. Khoảng năm 2008 chồng bà là người trực tiếp ký kết và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 1/111, tờ bản đồ số 00, diện tích 180m^2, tại ấp 1B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Ông Th nhận chuyển nhượng với mình bà H hay cả ông V thì bà không biết. Sau khi chồng bà nhận chuyển nhượng thửa đất này xong thì vợ chồng bà quản lý, sử dụng cho tới nay. Khi mua trên đất đã có căn nhà cấp 4, vợ chồng bà tới ở có cơi nới thêm, chi phí khoảng 200 triệu đồng. Hiện ông bà đã sử dụng nhà đất này ổn định. Bà không có ý kiến, yêu cầu gì với yêu cầu khởi kiện của ông V.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Trước khi ly hôn, vợ chồng bà H trúng xổ số. Vợ chồng bà H có gửi bà 110.000.000 đồng, bà trả lãi cho vợ chồng bà H theo lãi suất ngân hàng. Bà giữ số tiền trên khoảng 01 năm thì vợ chồng bà H ly hôn. Sau đó, bà đã trả hết số tiền này cho bà H. Nay bà không còn liên quan gì đến số tiền trên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Trước ngày bà H và ông V có quyết định ly hôn (ngày 06/6/2005) khoảng 20 ngày, vợ chồng ông V có chuyển nhượng cho bà một thửa đất khoảng 05 sào (đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng) tại xã L, huyện L, với giá 50.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng có lập hợp đồng bằng giấy tay nhưng giấy này đã bị thất lạc. Sau khi ông V, bà H có quyết định ly hôn, bà đã giao trả số tiền này cho

bà H, có sự chứng kiến của ông V. Sau đó, bà H giao giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất ông V bà H tặng cho cháu V cho bà La quản lý theo như nội dung trong Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 31/2005/QĐ.HNGĐ-ST ngày 06/6/2005 của Tòa án nhân dân huyện L. Đối với thửa đất bà H chuyển nhượng cho vợ chồng Ông Th, bà không biết và cũng không liên quan gì. Hiện nay, bà không còn liên quan gì về tài sản với ông V, bà H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện L trình bày:*

Căn cứ vào các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng đúng quy định của pháp luật về dân sự và đất đai, Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00035 ngày 08/3/2005 cho hộ bà Nguyễn Thị Hiếu H, và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00338 ngày 29/10/2008 cho ông Trịnh Khắc Th, bà Vũ Thị Minh Ng theo đúng trình tự, thủ tục. Đối với yêu cầu của người khởi kiện, Ủy ban nhân dân huyện L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình V.

Bà Nguyễn Thị Hiếu H phải hoàn trả cho ông V giá trị tài sản thừa kế của cháu Nguyễn Ngọc A với số tiền 2.125.000.000 (*hai tỷ, một trăm hai mươi lăm triệu)* đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu chia số tiền 160.000.000 (*một trăm sáu mươi triệu)* đồng và 20.000.000 (*hai mươi triệu)* đồng giá trị chiếc xe Atila.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/8/2022 bị đơn bà Nguyễn Thị Hiếu H có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Quyết định kháng nghị số 300/QĐ-VKS-DS ngày 25/8/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 28/2022/DSST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ thời điểm thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn; chấp nhận một phần kháng nghị của VKSND huyện L. Sửa Bản án sơ thẩm số 28/2022/DS-ST Ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 13/5/1997 là con của bà Nguyễn Thị Hiếu H với ông Nguyễn Đình V. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 31/2005/QĐ.HNGĐ-ST ngày 06/6/2005 của Tòa án nhân dân huyện L thì Tòa án đã công nhận ông V bà H ly hôn. Về con cái, bà H trực tiếp nuôi 2 con chung là cháu A và cháu Nguyễn Quốc V, sinh năm 2001, ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 200.000 đồng.

[2] Quá trình giải quyết vụ án và khi nhận định về vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định rõ ngày cháu Nguyễn Ngọc A qua đời để xác định thời điểm mở thừa kế là sai sót khi giải quyết yêu cầu về chia di sản thừa kế. Theo trích lục khai tử ngày 27/10/2021 của Ủy ban nhân dân xã Lộc Tấn, huyện L thì cháu A chết ngày 22/8/2013. Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa bà H xác định cháu A chết ngày 23/3/2009, tức ngày 27/02 năm Kỷ Sửu là ngày bà cúng giỗ cháu A. Ông V thừa nhận ngày cháu A chết theo bà H khai là đúng, trích lục khai tử của Ủy ban nhân dân xã ghi sai do ông bà khai tử cho cháu A muộn. Xét ông V và bà H đều xác định chính xác, thừa nhận ngày cháu A qua đời. Trình bày này của các đương sự phù hợp với các tình tiết liên quan đến vụ án như ngày cháu A chữa bệnh, thời gian chữa bệnh, lời khai của những người liên quan khác trong vụ án, đủ cơ sở xác định cháu A bị bệnh và qua đời ngày 23/3/2009.

[3] Cháu Nguyễn Ngọc A qua đời khi còn là trẻ em, không có di chúc để lại, không có cha mẹ nuôi nên xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cháu A gồm có cha mẹ đẻ là ông Nguyễn Đình V và bà Nguyễn Thị Hiếu H.

[4] Xét nguồn gốc thửa đất số 1/111, tờ bản đồ số 00, diện tích 180m^2, tại ấp 1B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận QSDĐ số H00035 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/3/2005 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Hiếu H (thửa đất số 1/111): Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H và ông V đều thừa nhận đây là tài sản chung của ông bà trong thời kỳ hôn nhân. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 31/2005/QĐ.HNGĐ-ST ngày 06/6/2005 của Tòa án nhân dân huyện L đã ghi nhận ông V và bà H đã tặng cho thửa đất này cho con gái là cháu Nguyễn Ngọc A.

[5] Sau khi ông V, bà H tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 1/111 cho cháu A, do cháu A chưa đủ 18 tuổi nên ông V và bà H cùng thống nhất giao thửa đất cho bà H là người đại diện quản lý thửa đất. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận năm 2008 cháu A được phát hiện bị mắc bệnh viêm cầu thận mãn tính giai đoạn cuối phải thường xuyên đi các bệnh viện tại Thành phố Hồ Chí Minh điều trị. Bà H trình bày, do thời điểm này bà không có công việc ổn định, thu nhập không đủ chữa trị bệnh cho cháu A nên bà phải vay mượn thêm bên ngoài để trang trải tiền trị bệnh cho con. Với tư cách là người quản lý tài sản của cháu A, vì lợi ích của cháu A, bà H đã chuyển nhượng thửa đất trên để có tiền điều trị cho cháu. Sau đó, do quá khó khăn nên ngày 12/9/2008, bà H sau khi hỏi ý kiến của cháu A, đã chuyển nhượng thửa đất 1/111 cho ông Trịnh Khắc Th và bà Vũ Thị Minh Ng. Nay Ông Th, bà Ng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng ổn định từ khi nhận chuyển nhượng đến nay không có tranh chấp. Ông V, bà H đều không yêu cầu xem xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 1/111 bà H đã chuyển nhượng cho Ông Th, bà Ng.

[6] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Đình V đều trình bày ông không biết bà H chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 1/111 nhưng lời khai của ông V tại Tòa án vào ngày 28/5/2021 (bút lục 191A) ông V thừa nhận ông có biết bà H chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất này. Sự mâu thuẫn này trong lời khai của ông V thể hiện ông cố tình không thừa nhận việc mình đồng tình cho bà H chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất trên để chữa bệnh cho cháu A. Ngoài ra, bà H trình bày, tại biên bản họp gia đình vào ngày 16/4/2008, bà và ông V có thỏa thuận *"bà H được toàn quyền sở hữu và sử dụng…thửa đất"*, mục đích của việc lập văn bản này là làm cơ sở để bà H chuyển nhượng quyền sử dụng đất để lấy tiền trị bệnh cho cháu A. Ông V cũng thừa nhận mình đã tự nguyện ký văn bản thỏa thuận này. Như vậy, việc bà H chuyển nhượng quyền sử dụng đất để lấy tiền trị bệnh cho cháu A ông V biết và cũng không có ý kiến gì. Tuy nhiên, sau đó ông lại khởi kiện yêu cầu chia thừa kế giá trị thửa đất số 1/111 là mâu thuẫn với ý chí trước đó của mình.

[7] Xét thấy, sau khi ly hôn, bà H là người được Tòa án giao trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 2 con chung là cháu A và cháu V nên bà là người đại diện theo pháp luật của cháu A và cháu V. Theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì cháu A là người chưa đủ 16 tuổi nên không có năng lực hành vi dân sự. Vì vậy, ngày 12/9/2008, bà H sau khi hỏi ý kiến của cháu A, đã chuyển nhượng thửa đất số 1/111 cho ông Trịnh Khắc Th và bà Vũ Thị Minh Ng để điều trị bệnh và trang trải cuộc sống cho các con là không trái quy định về quyền định đoạt tài sản riêng của con chưa thành niên quy định tại Điều 46 Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật về dân sự.

[8] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng thửa đất số 1/111 bà H đã chuyển nhượng hợp pháp cho người khác để có tiền chữa bệnh và trang trải cuộc sống cho các con trước khi cháu Nguyễn Ngọc A qua đời nên không phải là di sản của cháu A. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn ông Nguyễn Đình V đối với quyền sử dụng thửa đất này là không có căn cứ; cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Hiếu H; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

[9] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình V không được chấp nhận nên ông V phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm nên bị đơn bà H không phải chịu.

[11] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Hiếu H; chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 300/QĐ-VKS-DS ngày 25/8/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào các điều 18, 21, 141, 631, 632, 633, 675, 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 46 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình V về việc chia di sản thừa kế của cháu Nguyễn Ngọc A đối với giá trị quyền sử dụng thửa đất số 1/111, tờ bản đồ số 00, diện tích 180m^2, tại ấp 1B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

2. Các chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Đình V phải chịu số tiền 1.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, ông V đã nộp đủ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đình V phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp; hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đình V số tiền 9.900.000 *(chín triệu, chín trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009563 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hiếu H không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0009989 ngày 23/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tiến Hiệp